3

CƠ QUAN CẤP HỘ CHIẾU
*ISSUING AUTHORITY*
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
*Immigration Department*
T/L CỤC TRƯỞNG
*For the Director*
P. Trưởng Phòng
*Deputy Chief of Division*
*Nguyễn Quốc Tuấn*

Chữ ký người mang hộ chiếu
*Signature of bearer*
TIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - *SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*

**HỘ CHIẾU** / *PASSPORT*

| Loại / *Type* | Mã số / *Code* | Số hộ chiếu / *Passport N°* |
|---|---|---|
| P | VNM | C4765706 |

Họ và tên / *Full name*
MAI XUÂN TIẾN

Quốc tịch / *Nationality* — VIỆT NAM / *VIETNAMESE*

Ngày sinh / *Date of birth* — 16 / 06 / 1989

Nơi sinh / *Place of birth* — THANH HOÁ

Giới tính / *Sex* — NAM / M

Số GCMND / *ID card N°* — 038089009343

Ngày cấp / *Date of issue* — 13 / 03 / 2018

Có giá trị đến / *Date of expiry* — 13 / 03 / 2028

Nơi cấp / *Place of issue*
Cục Quản lý xuất nhập cảnh

P<VNMMAI<<XUAN<TIEN<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C4765706<5VNM8906164M2803135038089009343<<58

日本国政府 GOVERNMENT OF JAPAN — **在留カード** RESIDENCE CARD — 番号 No. UH27568274JB

氏名 NAME: MAI XUAN TIEN

生年月日 DATE OF BIRTH: 1989年06月16日 (Y M D) 性別 SEX: 男 M. 国籍・地域 NATIONALITY/REGION: ベトナム

住居地 ADDRESS: 富山県射水市鏡宮６５６番地１ グローバル５－２０１

在留資格 STATUS: 特定技能１号 (Specified Skilled Worker (I))

就労制限の有無: 在留資格に基づく就労活動のみ可

在留期間（満了日） PERIOD OF STAY (DATE OF EXPIRATION): １年（２０２６年０４月０５日） (Y M D)

許可の種類: 在留期間更新許可（名古屋出入国在留管理局長） MOJ

許可年月日: 2025年02月18日 交付年月日: 2025年02月18日

このカードは ２０２６年０４月０５日まで有効 です。 PERIOD OF VALIDITY OF THIS CARD

MINISTRY OF JUSTICE

出入国在留管理庁長官

住居地記載欄

| 届出年月日 | 住居地 | 記載者印 |
|---|---|---|
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |

資格外活動許可欄

在留期間更新等許可申請欄

別記第三十一号の四様式（第七条、第二十条、第四十四条関係）

日本国政府法務省

**指　定　書**
DESIGNATION

氏名 Name: MAI XUAN TIEN

国籍・地域 Nationality/Region: ベトナム

出入国管理及び難民認定法別表第1の2の表の特定技能の項の下欄第1号の規定に基づき、同号に定める活動を行うことのできる本邦の公私の機関及び特定産業分野を次のとおり指定します。

・本邦の公私の機関

氏名又は名称：金原開発株式会社

所在地：富山県射水市沖塚原134番地

・特定産業分野 建設

（参考）
従事する業務区分は、土木（指導者の指示・監督を受けながら、土木施設の新設、改築、維持、修繕に係る作業等に従事）とする。

5. APR. 2024

日本国法務大臣
MINISTER OF JUSTICE JAPANESE GOVERNMENT